

Số: 94/2016/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày 15 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Về việc xác định phạm vi vành đai biên giới, vị trí cấm biển báo
khu vực biên giới, vành đai biên giới trên tuyến biên giới đất liền tỉnh Lào Cai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHÓA XV - KỶ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ về Quy chế khu vực biên giới đất liền Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 43/2015/TT-BQP ngày 28/5/2015 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 34/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ về Quy chế khu vực biên giới đất liền Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Xét Tờ trình 262/TTr-UBND ngày 02/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xác định phạm vi vành đai biên giới, vị trí cấm biển báo khu vực biên giới, vành đai biên giới trên tuyến biên giới đất liền tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số 115/BC-BPC ngày 09/12/2016 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Xác định phạm vi vành đai biên giới trên tuyến biên giới đất liền tỉnh Lào Cai có chiều sâu tính từ đường biên giới trở vào nội địa đoạn xa nhất là 400m, đoạn gần nhất là 100m, cụ thể

1. Phạm vi vành đai biên giới có chiều sâu 400m (tính từ đường biên giới), gồm các xã: Tả Ngải Chồ, Pha Long, Dìn Chin, Tả Gia Khâu (huyện Mường Khương); Si Ma Cai, Nàn Sán (huyện Si Ma Cai).

2. Phạm vi vành đai biên giới có chiều sâu 300m (tính từ đường biên giới), gồm các xã: Y Tý, Ngải Thầu, A Lù (huyện Bát Xát); Lùng Vai, Nậm Cháy, Tung Chung Phó, thị trấn Mường Khương (huyện Mường Khương).

3. Phạm vi vành đai biên giới có chiều sâu 200m (tính từ đường biên giới), gồm các xã: A Mú Sung, Nậm Chạc, Trịnh Tường, Cốc Mỳ, Bản Vược, Bản Qua, Quang Kim (huyện Bát Xát); Sán Chải (huyện Si Ma Cai).

4. Phạm vi vành đai biên giới có chiều sâu 100m (tính từ đường biên giới) gồm các xã: Bản Phiệt (huyện Bảo Thắng); Bản Lầu (huyện Mường Khương); xã Đồng Tuyển, phường Duyên Hải, phường Lào Cai (thành phố Lào Cai).

Điều 2. Số lượng, vị trí cắm biển báo khu vực biên giới, vành đai biên giới trên tuyến biên giới đất liền tỉnh Lào Cai và kinh phí thực hiện

1. Biển báo “KHU VỰC BIÊN GIỚI” được cắm tại 46 vị trí để xác lập khu vực biên giới trên tuyến biên giới đất liền tỉnh Lào Cai (Có phụ lục số I kèm theo).

2. Biển báo “VÀNH ĐAI BIÊN GIỚI” được cắm tại 82 vị trí để xác lập phạm vi vành đai biên giới trên tuyến biên giới đất liền tỉnh Lào Cai (Có phụ lục số II kèm theo).

3. Nguồn kinh phí thực hiện: Do ngân sách nhà nước bảo đảm.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai Khóa XV, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017./.

Thu

Nơi nhận:

- UBTV Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Quốc phòng (Bộ Tư lệnh BĐBP), Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT.TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành; đoàn thể;
- TT. HĐND, UBND các huyện Mường Khương, Bát Xát, Bảo Thắng, Si Ma Cai, TP Lào Cai;
- VP. TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Báo Lào Cai; Đài PT-TH tỉnh;
- Công báo Lào Cai;
- Chuyên viên TH;
- Lưu: VT, TH. *U*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Vịnh

VỊ TRÍ CẢM BIẾN BÁO "KHU VỰC BIÊN GIỚI"

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 94/2016/NQ-HĐND, ngày 15/12/2016
của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

S TT	TÊN BIÊN	TỌA ĐỘ ĐỊA LÝ (múi giờ +6 giờ, KTT 105 độ)		TỌA ĐỘ vn 2000	ĐỊA ĐIỂM	GHI CHÚ
		Vĩ độ bắc	Kinh độ đông			
A HUYỆN BÁT XÁT						
ĐỊA BÀN ĐƠN BIÊN PHÒNG Y TÝ						
I Xã Y Tý						
1	KVBG	22°37'43,3"	103°37'36,0"	0308558846	Giáp ranh xã Y Tý - xã Dền Sáng	
ĐỊA BÀN ĐƠN BIÊN PHÒNG BÁT XÁT						
II Xã bản Vược						
2	KVBG	22°34'25,6"	103°49'06,8"	9681978541	Tỉnh lộ 158, giáp xã Mường Vi	
III Xã Bản Qua						
3	KVBG	22°33'02,6"	103°52'44,0"	9421984725	Tỉnh lộ 156 giáp TT Bát Xát	
4	KVBG	22°31'45,2"	103°53'55,3"	9182486745	Tỉnh lộ 156 giáp TT Bát Xát	
5	KVBG	22°32'33,7"	103°53'42,9"	9331886402	Đường từ TT Bát Xát ra đường Kim Thành- Ngòi	
IV Xã Quang Kim						
6	KVBG	22°29'40,6"	103°53'50,4"	8799486577	Đường liên xã Quang Kim- Phìn Ngan	
7	KVBG	22°29'24,7"	103°53'05,7"	8751385295	Đường liên xã Quang Kim- Phìn Ngan	
ĐỊA BÀN ĐƠN BIÊN PHÒNG CỬA KHẨU QUỐC TẾ LÀO CAI						
B THÀNH PHỐ LÀO CAI						
V Xã Đồng Tuyển						
8	KVBG	22°27'53,6"	103°57'43,8"	8465693223	QL 4E giáp xã Cốc San	
9	KVBG	22°28'07,7"	103°57'48,5"	8563393599	Đường khu mỏ Apatit giáp phường Bắc Cường	
10	KVBG	22°28'25,5"	103°57'56,7"	8508993359	Đường nội thị giáp phường Bắc Cường	
11	KVBG	22°28'34,8"	103°57'51,3"	8592193445	Đường cao tốc giáp phường Bắc Cường	
12	KVBG	22°28'30,0"	103°58'05,5"	8577193850	QL 4E giáp phường Kim Tân	
VI Phường Duyên Hải						
13	KVBG	22°29'21,7"	103°57'49,8"	8736393414	Ngã ba Đường Điện Biên- Nhạc Sơn	
14	KVBG	22°29'26,6"	103°57'49,8"	8751593413	Điểm giao đường Ngô Tất Tố- Nhạc Sơn	
15	KVBG	22°29'31,4"	103°57'47,4"	8766093345	Điểm giao đường Nguyễn Khuyến- Nhạc Sơn	
16	KVBG	22°29'45,8"	103°57'45,7"	8810693299	Điểm giao đường Lương Khánh Thiện- Nhạc Sơn	
17	KVBG	22°29'48,6"	103°57'47,7"	8836393431	Điểm giao đường Lê Văn Hưu- Nhạc Sơn	
18	KVBG	22°29'54,2"	103°57'50,2"	8819193359	Điểm giao đường Lê Hồng Phong- Nhạc Sơn	
19	KVBG	22°30'02,7"	103°57'55,9"	8862493596	Điểm giao đường Duyên Hà- Nhạc Sơn	
20	KVBG	22°30'06,8"	103°57'58,6"	8874793675	Điểm giao đường Thanh niên- Nhạc Sơn	
21	KVBG	22°30'09,0"	103°58'02,1"	8881593773	Điểm giao đầu cầu Cốc Lếu - đường Thủy Hoa	
VII Phường Lào Cai						
22	KVBG	22°30'09,1"	103°58'12,5"	8881694072	Bờ sông Hồng giáp phường Phố Mới	Biển trên sông
23	KVBG	22°30'09,2"	103°58'12,9"	8881894081	Đường kè sông Hồng giáp phường Phố Mới	
24	KVBG	22°30'09,2"	103°58'14,2"	8882094119	Đường Nguyễn Huệ giáp phường Phố Mới	
25	KVBG	22°30'10,6"	103°58'14,7"	8886194135	Đường Hoàng Diệu giáp phường Phố Mới	

C	HUYỆN BẢO THẮNG					
VIII	Xã Bản Phiệt					
26	KVBG	22°30'57,6"	104°02'16,6"	9026001055	QL 70 giáp xã Bản Cầm	
27	KVBG	22°28'09,5"	104°04'35,0"	8604102335	Tỉnh lộ giáp xã Thái Niên	
28	KVBG	22°28'40,7"	104°03'02,3"	8506604978	Tỉnh lộ giáp xã Vạn Hòa	
D	HUYỆN MUỜNG KHƯỜNG					
ĐỊA BÀN ĐƠN BIÊN PHÒNG BẢN LẬU						
IX	Xã Bản Lậu					
29	KVBG	22°32'45,0"	104°05'03,3"	9562205032	Đường liên xã đi xã Bản Sen- Bản Cầm	
30	KVBG	22°33'52,8"	104°04'34,6"	9353405838	Đường liên xã đi xã Bản Sen	
X	Xã Lũng Vai					
31	KVBG	22°39'45,7"	104°05'42,4"	0646407035	Đường QL 4D giáp xã Thanh Bình	
32	KVBG	22°35'56,2"	104°06'10,0"	9940207780	Đường liên xã giáp ranh Bản Sen- La Pan Tân	
33	KVBG	22°35'30,1"	104°05'48,3"	9860307155	Đường liên xã đi xã Bản Sen	
ĐỊA BÀN ĐƠN BIÊN PHÒNG NẬM CHẬY						
XI	Xã Nậm Chảy					
34	KVBG	22°43'09,1"	104°05'21,0"	1272206462	Đường từ thôn Sả Lũng Phìn đi xã Thanh Bình	
ĐỊA BÀN ĐƠN BIÊN PHÒNG MUỜNG KHƯỜNG						
XII	Thị trấn Mường Khương					
35	KVBG	22°43'37,5"	104°06'22,2"	1358608213	Quốc lộ 4D giáp xã Thanh Bình	
36	KVBG	22°44'30,1"	104°08'14,0"	1518511411	Đường tỉnh lộ 154 đi xã Nậm Lư	
XIII	Xã Tung Chung Phố					
37	KVBG	22°45'54,0"	104°09'38,8"	1576512473	Đường liên xã giáp xã Nậm Lư	
38	KVBG	22°44'49,2"	104°08'51,1"	1774913845	Đường liên xã giáp Xã Nậm Lư	
ĐỊA BÀN ĐƠN BIÊN PHÒNG TẢ GIA KHẬU						
XIV	Xã Tả Gia Khâu					
39	KVBG	22°43'18,5"	104°13'22,2"	1293320191	QL 4 giáp xã Bản Mế	
ĐỊA BÀN ĐƠN BIÊN PHÒNG SI MA CẠI						
E	HUYỆN SI MA CẠI					
XV	Xã Nàn Sán					
40	KVBG	22°41'06,3"	104°15'05,4"	0885323114	QL 4 giáp xã Bản Mế	
41	KVBG	22°41'29,4"	104°15'51,4"	0955724430	Đường liên xã giáp xã Mản Thần	
42	KVBG	22°40'59,7"	104°15'57,1"	0826623128	Đường liên xã giáp xã Mản Thần	
XVI	Xã Si Ma Cai					
43	KVBG	22°41'02,1"	104°15'49,2"	0860024548	Đường liên xã giáp xã Mản Thần	
XVII	Xã Sán Chải					
44	KVBG	22°40'50,7"	104°17'19,9"	0769830451	Đường liên xã giáp xã Cán Hồ	
45	KVBG	22°39'57,2"	104°18'39,3"	0835426950	QL 4 giáp xã Cán Cầu	
46	KVBG	22°40'29,9"	104°19'22,7"	0669929208	Đường từ xã Cán Cầu đi thôn Lù Di Sán	

VỊ TRÍ BIÊN BẢO "VÀNH ĐAI BIÊN GIỚI"

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 94/2016/NQ-HĐND, ngày 15/12/2016
của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)



S TT	TÊN BIÊN	TỌA ĐỘ ĐỊA LÝ		TỌA ĐỘ VN 2000 (MC6, KTT 105)	ĐỊA ĐIỂM	GHI CHÚ
		Vĩ độ bắc	Kinh độ đông			
A						
HUYỆN BÁT XÁT						
ĐỊA BÀN ĐƠN BIÊN PHÒNG Y TÝ						
I						
Xã Y Tý						
1	VDBG	22°35'34,9"	103°33'18,4"	9874749092	Điểm tiếp giáp với tỉnh Lai Châu	Điểm đầu VĐ 300m
2	VDBG	22°36'59,3"	103°33'18,4"	0178651500	Đường ra Mốc 85(2) thôn Hồng Ngải, Y Tý	
3	VDBG	22°37'50,2"	103°33'46,4"	0334252314	Đường ra Mốc 85(2) thôn Hồng Ngải, Y Tý	
4	VDBG	22°38'32,6"	103°34'25,8"	0463753450	Đường ra Mốc 85(2) thôn Sim San, Y Tý	
5	VDBG	22°38'48,1"	103°34'35,8"	0511053741	Đường ra Mốc 85(2) thôn Sim San, Y Tý	
6	VDBG	22°40'28,2"	103°34'39,2"	0818653868	Đường ra cửa khẩu Y Tý, thôn Lao Chải, Y Tý	
II						
Xã Ngải Thầu						
7	VDBG	22°41'23,2"	103°34'01,2"	0977053010	Đường thôn Chân Chu Lin - Mốc 88(2)	
III						
Xã A Lù						
8	VDBG	22°42'07,2"	103°33'53,4"	1124552590	Đường từ thôn Sáo Phìn Chư đi Mốc 89(2)	
9	VDBG	22°42'49,2"	103°34'20,6"	1252953379	Đường từ thôn Khoa Sán Chải - Mốc 89(2)	
10	VDBG	22°43'14,5"	103°34'36,7"	1330253846	Đường từ T. tâm xã A Lù đi Đường tuần tra	
11	VDBG	22°44'31,4"	103°35'49,2"	1564855936	Đường tuần tra giáp xã A Mú Sung	Điểm cuối VĐ 300m
ĐỊA BÀN ĐƠN BIÊN PHÒNG A MÚ SUNG						
IV						
Xã A Mú Sung						
12	VDBG	22°44'32,1"	103°35'45,6"	1567155834	Đường tuần tra giáp xã A Lù	Điểm đầu VĐ 200m
13	VDBG	22°45'04,0"	103°36'33,4"	1663957207	Đường tuần tra, thôn Pạc Tà	
14	VDBG	22°47'09,7"	103°38'01,6"	2048159757	Đường tuần tra, thôn Lũng Pô 2	
15	VDBG	22°46'22,4"	103°39'51,0"	1899962864	Điểm giao tỉnh lộ 156 - đường tuần tra	
16	VDBG	22°45'58,8"	103°40'11,3"	1826563439	Điểm giao tỉnh lộ 156 đường đi thôn Tùng Sáng	
V						
Xã Nậm Chạc						
17	VDBG	22°44'51,5"	103°41'21,9"	1617865433	Tỉnh lộ 156, thôn Ngam Xá	
18	VDBG	22°44'08,7"	103°42'37,3"	1484567573	Tỉnh lộ 156, thôn Ma Cò	
19	VDBG	22°43'49,5"	103°42'59,5"	1424868199	Tỉnh lộ 156, thôn Cửa Suối	
ĐỊA BÀN ĐƠN BIÊN PHÒNG TRỊNH TƯỜNG						
VI						
Xã Trịnh Tường						
20	VDBG	22°42'17,4"	103°44'06,5"	1139870086	Điểm giao tỉnh lộ 156 - thôn Vỹ Lầu	
21	VDBG	22°41'47,1"	103°44'40,5"	1045971050	Tỉnh lộ 156, thôn phố Trịnh Tường	
22	VDBG	22°41'34,1"	103°44'51,9"	1005571370	Tỉnh lộ 156, thôn phố Trịnh Tường	

23	VĐBG	22°41'11,6"	103°45'17,5"	0936072097	Tỉnh lộ 156, điểm giao đường đi thôn Tân Tiến	
24	VĐBG	22°41'03,0"	103°45'49,3"	0908673002	Đường liên xã, đầu thôn Tân Tiến	
25	VĐBG	22°40'45,1"	103°46'16,8"	0852973782	Đường liên xã, cuối thôn Tân Tiến	
26	VĐBG	22°40'32,1"	103°46'26,1"	0812774044	Đường thôn Tân Hào ra biên giới	
VII	Xã Cốc Mỹ					
27	VĐBG	22°40'21,8"	103°46'39,2"	0780774415	Đường liên xã, đầu thôn Tân Giang	
28	VĐBG	22°39'13,9"	103°47'51,4"	0570376459	Đường liên xã đi bờ kè thôn Tân Giang	
29	VĐBG	22°38'49,7"	103°48'06,7"	0495376888	Đường liên xã cuối thôn Tân Giang	
30	VĐBG	22°38'12,3"	103°48'38,1"	0379777777	Đường từ thôn Bản Chang đi Mốc 96(2)	
31	VĐBG	22°37'33,7"	103°49'03,3"	0260578486	Đường từ khu tuyến Đông đi thôn Bản Chang	
32	VĐBG	22°37'15,6"	103°49'07,8"	0204678610	Đường từ tỉnh lộ 156 đi thôn Bản Chang	
ĐỊA BÀN ĐƠN BIÊN PHÒNG BÁT XÁT						
VIII	Xã bản Vược					
33	VĐBG	22°36'27,8"	103°50'05,3"	0056380242	Đường từ thôn 3 đi bờ kè sông Hồng	
IX	Xã Bản Qua					
34	VĐBG	22°34'30,2"	103°52'04,3"	9692183612	Đường từ thôn Hải Khê ra biên giới	
35	VĐBG	22°33'41,2"	103°52'51,6"	9540484952	Đường từ thôn Bản Qua ra biên giới	
36	VĐBG	22°33'22,0"	103°54'00,5"	9479886914	Đường từ thôn Châu Giàng ra biên giới	
X	Xã Quang Kim					
37	VĐBG	22°32'15,7"	103°54'41,4"	9257288069	Đường từ thôn Làng Hang ra biên giới	
38	VĐBG	22°31'50,9"	103°55'08,1"	9198388826	Đường từ thôn An Quang ra biên giới	đường đi Làng Hang
39	VĐBG	22°32'06,6"	103°55'39,5"	9245889726	Đường từ thôn An Quang ra biên giới	Khu vực bến cũ
40	VĐBG	22°31'35,1"	103°55'45,3"	9149189884	Đường từ thôn An Quang ra biên giới	Đường ra Mốc 99(2)
41	VĐBG	22°31'35,6"	103°55'49,5"	9150590004	Điểm tiếp giáp CKQT Kim Thành	Điểm cuối VĐ200m
ĐỊA BÀN ĐƠN BIÊN PHÒNG CỬA KHẨU QUỐC TẾ LÀO CAI						
B	THÀNH PHỐ LÀO CAI					
XI	Xã Đồng Tuyển					
42	VĐBG	22°31'28,6"	103°56'39,6"	9127891435	Điểm tiếp giáp xã Quang Kim	Điểm đầu VĐ100m
43	VĐBG	22°31'02,1"	103°56'56,3"	9046291906	Đường D1, gần Mốc 100(2)	
XII	Phường Duyên Hải					
44	VĐBG	22°30'18,5"	103°57'43,8"	8962892536	Đường Công vụ ra biên giới	
45	VĐBG	22°30'35,2"	103°57'18,6"	8911093253	Điểm giao đường vào khu TM-CN Kim Thành ra biên giới	
XIII	Phường Lào Cai					
46	VĐBG	22°30'25,1"	103°58'14,1"	9127891435	Điểm giao QL 70 đi nhà máy nước	
47	VĐBG	22°30'31,9"	103°57'58,1"	9046291906	Đường Phan Bội Châu (đầu trạm Hội ngộ hội đàm)	
C	HUYỆN BẢO THẮNG					
XIV	Xã Bản Phiệt					
48	VĐBG	22°32'46,0"	104°00'55,9"	9360998773	Đường từ thôn Nậm Sò ra biên giới	

D		HUYỆN MUỜNG KHƯƠNG				
ĐỊA BÀN ĐỒN BIÊN PHÒNG BẢN LẦU						
XV		Xã Bản Lầu				
49	VDBG	22°35'49,5"	104°01'15,8"	9924999378	Tỉnh lộ 154, thôn Pác Bo	
50	VDBG	22°36'44,4"	104°01'33,5"	0093499895	Điểm giao tỉnh lộ 154 đi thôn Na Lốc 3, 4	
51	VDBG	22°37'22,8"	104°01'36,8"	0211499995	Điểm giao tỉnh lộ 154 đi thôn Na Lốc 2	
52	VDBG	22°37'15,5"	104°01'27,2"	0189099719	Tỉnh lộ 154 giáp xã Lùng Vai	Điểm cuối VĐ100m
XVI		Xã Lùng Vai				
53	VDBG	22°37'17,4"	104°01'33,9"	0194999912	Tỉnh lộ 154, giáp xã Bản Lầu	Điểm đầu VĐ300m
54	VDBG	22°38'14,9"	104°01'58,7"	0371200631	Đường ra Mốc 112	
55	VDBG	22°45'09,0"	104°04'06,5"	1642104358	Đường ra Mốc 117	
ĐỊA BÀN ĐỒN BIÊN PHÒNG NẬM CHẢY						
XVII		Xã Nậm Chảy				
56	VDBG	22°41'32,5"	104°01'46,1"	0979100311	Đường ra Mốc 126	
57	VDBG	22°41'53,1"	104°02'01,4"	1042100752	Đường ra Mốc 127	
58	VDBG	22°42'55,2"	104°02'25,0"	1232701438	Đường ra Mốc 128	
59	VDBG	22°44'22,7"	104°03'15,5"	1500802896	Đường ra Mốc 130	
60	VDBG	22°45'14,7"	104°03'57,6"	1642104358	Đường ra Mốc 133	
ĐỊA BÀN ĐỒN BIÊN PHÒNG MUỜNG KHƯƠNG						
XVIII		Thị trấn Muờng Khương				
61	VDBG	22°45'40,5"	104°04'47,5"	2197509093	Đường từ thôn Dê Chúa Thàng ra Mốc 136	
62	VDBG	22°45'53,2"	104°05'11,9"	2157307979	Đường từ thôn Dê Chúa Thàng ra Mốc 137	
63	VDBG	22°47'13,9"	104°05'43,5"	2024607150	Đường từ thôn Choán Ván ra Mốc 138	
64	VDBG	22°47'57,2"	104°06'12,3"	1777006233	Đường từ thôn Chúng Trái B ra Mốc 139	
65	VDBG	22°48'10,5"	104°06'51,3"	1738405535	Đường từ thôn Chúng Trái B ra Mốc 143	
XIX		Xã Tung Chung Phố				
66	VDBG	22°48'37,8"	104°09'27,8"	2278913561	Đường từ thôn Séo Tùng ra Mốc 147	
67	VDBG	22°48'32,3"	104°09'25,2"	2262113485	Đường từ thôn Séo Tùng ra Mốc 148	
68	VDBG	22°49'07,2"	104°10'15,9"	2368414935	Giáp ranh xã Tả Ngải Chồ	Điểm cuối VĐ300m
ĐỊA BÀN ĐỒN BIÊN PHÒNG PHA LONG						
XX		Xã Tả Ngải Chồ				
69	VDBG	22°49'04,6"	104°10'12,6"	2360414842	Giáp ranh xã Tung Chung Phố	Điểm đầu VĐ400m
70	VDBG	22°49'12,7"	104°11'32,0"	2338716889	Đường tuần tra, thôn Sín Chải A	
71	VDBG	22°48'57,9"	104°11'24,5"	2384217107	Đường tuần tra, thôn Sín Chải B	
72	VDBG	22°49'30,7"	104°13'15,7"	2437920065	Đường tuần tra, thôn Thàng Chư Pén	
XXI		Xã Pha Long				
73	VDBG	22°50'10,3"	104°15'53,6"	2557324573	Đường công vụ thôn Tả Lùng Thảng ra Mốc 166	
74	VDBG	22°49'38,2"	104°15'54,5"	2458724593	Đường công vụ thôn Tả Lùng Thảng ra Mốc 167	

ĐỊA BÀN ĐƠN BIÊN PHÒNG TẢ GIA KHÂU

XXII	Xã Dìn Chín					
75	VDBG	22°47'54,6"	104°15'24,0"	2140623708	Đường công vụ thôn Dìn Chín trên ra Mốc 168(2)	
76	VDBG	22°46'32,7"	104°14'56,7"	1889122917	Đường từ thôn Lùng Sán Chồ ra biên giới	
XXIII	Xã Tả Gia Khâu					
77	VDBG	22°45'57,1"	104°15'11,7"	1779423339	Đường công vụ thôn Lao Tô ra Mốc 169(2)	
78	VDBG	22°44'39,1"	104°15'50,8"	1539024442	Đường công vụ thôn Thái Giàng Sán ra Mốc 170 (3)	
ĐỊA BÀN ĐƠN BIÊN PHÒNG SI MA CAI						
E	HUYỆN SI MA CAI					
XXIV	Xã Si Ma Cai					
79	VDBG	22°43'38,2"	104°19'18,9"	1348930368	Giáp xã Sán Chải	Điểm cuối VĐ400m
XXV	Xã Sán Chải					
80	VDBG	22°43'44,8"	104°19'20,6"	1369330419	Giáp xã Si Ma Cai	Điểm đầu VĐ200m
81	VDBG	22°43'14,1"	104°19'50,5"	1274431267	Đường từ thôn Lù Di Sán ra biên giới	
82	VDBG	22°42'44,6"	104°20'17,7"	1174531942	Điểm tiếp giáp với tỉnh Hà Giang	Điểm cuối VĐ200m